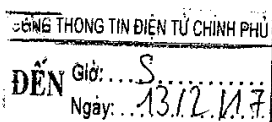


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **04** /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **09** tháng 02 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động
đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 312/TTr-TNMT ngày 23/11/2016 về việc đề nghị ban hành Quy định thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/02/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam;
- Cổng thông tin Điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu VT, KT, XDCB, PC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải

QUY ĐỊNH

**Thông nhất quản lý Nhà nước về hoạt động đo đạc
và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 09/02/2017
của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định thống nhất quản lý Nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định khác của Nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Quy định này không áp dụng đối với các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động đo đạc và bản đồ nhằm mục đích phục vụ quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức tham gia thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phải có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam cấp.

2. Việc đo đạc và lập bản đồ chỉ được triển khai thực hiện khi đã có Thiết kế kỹ thuật-dự toán, phương án thi công (sau đây gọi chung là *Thiết kế kỹ thuật-dự toán*) được lập và đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc đo đạc và lập bản đồ phải được xây dựng trên cùng một hệ quy chiếu và hệ tọa độ thống nhất.

4. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác quản lý Nhà nước phải được kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu đúng quy định.

5. Sản phẩm sau khi hoàn thành phải được bàn giao, lưu trữ, quản lý, theo dõi, cập nhật và khai thác theo quy định.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh gồm:

1. Đo đạc, thành lập bản đồ địa giới hành chính.
2. Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của từng ngành gồm:
 - a) Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng.
 - b) Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng.
 - c) Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện.
 - d) Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng.
 - đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng
 - e) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
3. Các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại các điểm a, b, d, đ, e khoản 2 điều này phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

1. Các tổ chức khi hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 4 của Quy định này có đủ năng lực, điều kiện thì được xem xét cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/6/2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ *(sau đây viết tắt là Nghị định số 45/2015/NĐ-CP)*.

2. Danh mục các dịch vụ đo đạc và bản đồ phải có giấy phép; điều kiện, trình tự, thủ tục cấp giấy phép, bổ sung nội dung giấy phép, cấp lại, gia hạn giấy phép, mẫu hồ sơ thực hiện theo Điều 10,11,12,13,14,15,16, Nghị định số 45/2015/NĐ-CP.

Điều 6. Hệ quy chiếu và hệ tọa độ.

1. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng, hệ thống không ảnh chuyên dụng, hệ thống các loại tài liệu, sản phẩm, bản đồ được nêu tại Điều 4, Quy định này thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phải được thiết lập trên hệ quy chiếu và hệ tọa độ Nhà nước VN-2000, kinh tuyến trực 106°30', múi chiếu 3°.

2. Những công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ tọa độ HN-72 hoặc hệ tọa độ, độ cao chuyên ngành khác phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 106°30', múi chiếu 3°.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp tài liệu, số liệu điểm đo đặc cơ sở, tài liệu bản đồ cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin thực hiện theo quy định.

Tổ chức, cá nhân phải nộp phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định.

Điều 7. Lập Thiết kế kỹ thuật-dự toán

1. Nguyên tắc lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán.

Các công trình đo đạc phải lập Thiết kế kỹ thuật-dự toán trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.

Chủ đầu tư sử dụng đơn vị có đủ điều kiện, năng lực (*được Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung khảo sát lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ*) để lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán.

Việc lập Thiết kế kỹ thuật-dự toán phải dựa trên các chỉ tiêu kỹ thuật của quy trình, quy phạm hiện hành về công tác đo đạc và bản đồ, đơn giá đo đạc và bản đồ do UBND tỉnh Bắc Kạn và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Trường hợp có thay đổi về chỉ tiêu kỹ thuật hoặc chưa có đơn giá để áp dụng phải xin ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện khi có ý kiến chấp thuận hoặc hướng dẫn thực hiện.

Các nội dung yêu cầu lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán được quy định tại phụ lục số 01 của Quy định này.

2. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bản đồ chuyên ngành không phải lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán nhưng phải lập phương án thi công và được cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.

Các nội dung yêu cầu lập Thiết kế kỹ thuật - dự toán được quy định tại phụ lục số 02 của Quy định này.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán

1. Cơ quan thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán.

a) Dự án đo đạc và bản đồ thực hiện bằng vốn ngân sách Nhà nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thẩm định phân Thiết kế kỹ thuật các dự án đo đạc và bản đồ địa chính. Trường hợp các dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư thì Sở tài chính thẩm định nội dung dự toán.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định thiết kế kỹ thuật các dự án đo đạc và bản đồ chuyên ngành. Trường hợp các dự án do các Sở, Ban, ngành làm chủ đầu tư thì Sở Tài chính thẩm định phân dự

toán kinh phí.

Kết quả thẩm định làm căn cứ để phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán và nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình đo đạc và bản đồ theo quy định.

b) Các dự án đo đạc và bản đồ không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phần Thiết kế kỹ thuật các dự án đo đạc và bản đồ địa chính, Chủ đầu tư tự thẩm định nội dung dự toán.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ... thẩm định Thiết kế kỹ thuật các dự án đo đạc và bản đồ chuyên ngành, Chủ đầu tư tự thẩm định phần dự toán kinh phí.

2. Phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán.

a) Các dự án đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách Nhà nước thì việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán thực hiện theo phân cấp của UBND tỉnh.

b) Các dự án đo đạc và bản đồ không thực hiện bằng ngân sách Nhà nước thì việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán theo thẩm quyền của Chủ đầu tư.

Điều 9. Kiểm tra, nghiệm thu công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Việc kiểm tra, nghiệm thu công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01/6/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính; Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ (*sau đây viết tắt là Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT*).

Điều 10. Thẩm định chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ.

1. Các Sở, ngành chuyên môn có trách nhiệm thẩm định kết quả kiểm tra, nghiệm thu công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý Nhà nước hoặc phục vụ thiết kế, thi công các công trình.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ, hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Các Sở, ngành có dự án liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

Trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định thực hiện theo Mục 5, Phần II, Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT và Điều 16, Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT.

2. Cơ quan chủ trì thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập văn bản thẩm định gửi cho Chủ đầu tư, đơn vị thi công và các cơ quan liên quan làm căn cứ để phê duyệt, thanh quyết toán công

trình và đưa sản phẩm vào lưu trữ, khai thác, sử dụng.

Điều 11. Giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ

Giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo Điểm c, Khoản 1 và Khoản 3, Điều 20, Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; Điều 5, Điều 6, Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12/11/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ (sau đây viết tắt là *Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT*).

Điều 12. Lưu trữ, cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Lưu trữ, cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ được thực hiện theo Khoản 3 và khoản 4, Điều 22, Nghị định số 45/2015/NĐ-CP; Khoản 2, Điều 6, Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT.

CHƯƠNG III
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan.

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các văn bản, quy định quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

b) Tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với Kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ của các Bộ, ngành khác.

c) Tổ chức, xây dựng phương án giá sản phẩm đo đạc và bản đồ để thống nhất áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh.

d) Tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán các dự án đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

đ) Thẩm định chất lượng, khối lượng, giá trị các công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 11 của Quy định này.

e) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam cấp giấy phép, cấp bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức theo quy định của pháp luật.

f) Tổ chức quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo kế hoạch, quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh; Quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ, quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định.

g) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ. Cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do các Bộ, ngành ở Trung ương bàn giao.

h) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh, các ấn phẩm có sai sót về kỹ thuật.

2. Trách nhiệm của các Sở, ngành quản lý đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

a) Căn cứ các tiêu chuẩn, định mức kinh tế-kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của Bộ, ngành chủ quản xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn về đo đạc và bản đồ chuyên ngành áp dụng phù hợp trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, dự án có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

c) Tổ chức xây dựng bộ đơn giá đo đạc và bản đồ chuyên ngành trình UBND tỉnh ban hành để thống nhất trên địa bàn tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn.

d) Thẩm định Thiết kế kỹ thuật - dự toán các dự án đo đạc và bản đồ tại Điều 8 của Quy định này.

e) Thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính.

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định bộ đơn giá đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên ngành làm cơ sở cho các đơn vị trình UBND tỉnh ban hành để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

b) Thẩm định dự toán kinh phí các dự án đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách Nhà nước khi chưa có đơn giá và các hạng mục chưa có Định mức kinh tế - kỹ thuật để áp dụng theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

1. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định.

2. Tổ chức tuyên truyền cho công dân có ý thức tham gia bảo quản, giữ gìn các công trình xây dựng đo đạc; Xử lý theo thẩm quyền những hành vi xâm hại đến các công trình đo đạc và bản đồ, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái quy định.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của UBND tỉnh triển khai và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của Nhà nước về đo đạc và bản đồ để công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật.

2. Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy

định của pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ, bảo vệ các công trình đo đạc tại địa phương.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Giữ gìn, bảo vệ các công trình đo đạc theo quy định của pháp luật.

3. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người thực hiện nhiệm vụ đo đạc và bản đồ.

4. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý Nhà nước về xuất bản, đình chỉ xuất bản hoặc thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh, sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật, sản phẩm bản đồ có nội dung cấp theo quy định của Luật Xuất bản.

Điều 17. Thanh tra công tác đo đạc và bản đồ

1. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Nội dung thanh tra.

a) Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

b) Thanh tra về đo đạc và bản đồ theo chỉ đạo của cấp trên.

c) Xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ để đề xuất biện pháp giải quyết.

Điều 18. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ.

2. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi nhận được đơn khiếu nại, tố cáo có trách nhiệm giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đôn đốc và theo dõi thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, các ngành, các địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thái Hải



Phụ lục số 01

ĐỀ CƯƠNG THIẾT KẾ KỸ THUẬT – DỰ TOÁN

1. Sự cần thiết phải đo đạc, thành lập bản đồ.
2. Cơ sở pháp lý và các văn bản sử dụng trong thiết kế, thi công.
3. Mục đích, yêu cầu, phạm vi của dự án.
4. Đặc điểm địa hình, tình hình kinh tế xã hội của địa phương nơi thực hiện dự án.
5. Hiện trạng và khả năng sử dụng tài liệu, tư liệu đo đạc và bản đồ (địa chính, địa hình, địa giới hành chính...) có trong khu vực.
6. Thiết kế và giải pháp kỹ thuật từ tổng thể đến chi tiết cho từng hạng mục.
7. Kế hoạch thực hiện.
8. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu, giao nộp sản phẩm.
9. Tổng hợp các hạng mục công việc, phân loại khó khăn.
10. Dự toán kinh phí.

**ĐỀ CƯƠNG
PHƯƠNG ÁN THI CÔNG**

1. Căn cứ lập phương án.
2. Tóm tắt mục tiêu, mục đích, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc.
3. Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện.
4. Dự toán kinh phí thực hiện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu:

Số CMND, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân trong nước):

.....

Quốc tịch/nơi đang làm việc, học tập (đối với cá nhân là người nước ngoài):

.....

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại, fax, e-mail:

4. Danh mục và nội dung dữ liệu cần cung cấp:

.....

5. Mục đích sử dụng dữ liệu:

6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện):

.....

7. Cam kết sử dụng dữ liệu:

.....

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC ****

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP DỮ LIỆU*

(Ký xác nhận, đóng dấu)

* Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan phải ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký, ghi rõ họ tên;

** Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có xác nhận của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nơi đang làm việc, học tập.